

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN TÚ

**ĐIỀU TRA CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ
DƯỚI GÓC ĐỘ LUẬT SO SÁNH**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 62.38.50.01

Người hướng dẫn khoa học:

- 1- **PGS.TS Phạm Duy Nghĩa**
- 2- **PGS.TS Lê Thị Thu Thủy**

HÀ NỘI - 2013

MỤC LỤC

STT	Danh mục	Trang
	Phần mở đầu	2
1	Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu	2
2	Nhiệm vụ và mục đích nghiên cứu	8
3	Phạm vi và đối tượng nghiên cứu	9
4	Những điểm mới của luận án	10
5	Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án	11
	Chương 1: Cơ sở lý thuyết và Tổng quan tình hình nghiên cứu	12
1.2.	Cơ sở lý thuyết	12
1.3.	Tổng quan tình hình nghiên cứu	14
	Chương 2: Những vấn đề lý luận về bán phá giá, chống bán phá giá và điều tra chống bán phá giá	27
2.1.	Khái niệm, phân loại hành vi và tác động của bán phá giá	27
2.2.	Chống bán phá giá và một số khái niệm trong điều tra chống bán phá giá	35
	Chương 3: Thực trạng pháp luật về điều tra chống bán phá giá	67
3.1.	Cơ quan chống bán phá giá và điều kiện để điều tra chống bán phá giá	67
3.2.	Tổ chức hoạt động điều tra chống bán phá giá	81
3.3.	Bảo mật thông tin trong điều tra chống bán phá giá và rà soát quyết định chống bán phá giá	99
	Chương 4: Định hướng và kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về điều tra chống bán phá giá	113
4.1.	Định hướng hoàn thiện pháp luật về điều tra chống bán phá giá	114
4.2.	Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về điều tra chống bán phá giá	129
	Kết luận	149

Phần mở đầu

1. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu

Trong thương mại quốc tế, hành vi bán phá giá hàng hóa xuất khẩu của các nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài và hoạt động chống bán phá giá của chính phủ nước nhập khẩu luôn xảy ra một cách phổ biến. Với nhiều mục đích khác nhau (kể cả bán phá giá và chống bán phá giá), những hành vi này có thể sẽ gây tổn hại cho tự do thương mại quốc tế, gây thiệt hại cho nhiều ngành sản xuất, thiệt hại đối với người lao động cũng như đối với nền kinh tế của các quốc gia có liên quan.

Chính sách chống bán phá giá đã xuất hiện cách đây hơn 100 năm. Canada là quốc gia đầu tiên ban hành luật chống bán phá giá vào năm 1904 (*An Act to Amend the Customs Tariff 1897, 4 Edw VIII, I Canada Statutes 111 (1904)*), New Zealand 1905, Australia ban hành năm 1906 (*Industries Preservation Act 1906*), Nam Phi và Vương quốc Anh 1921... Hoa Kỳ ban hành luật chống bán phá giá đầu tiên vào năm 1916. Trong khi quy định chống bán phá giá đầu tiên của Hoa Kỳ còn nằm trên giấy, chưa có vụ kiện nào được áp dụng thì đến năm 1919 Ủy ban thuế quan Hoa Kỳ đã xem xét lại luật chống bán phá giá 1916 và kết luận luật này chưa thể áp dụng vào thực tiễn để thực hiện các vụ kiện chống bán phá giá [78, tr.5]. Luật chống bán phá giá 1921 của Hoa Kỳ đã ra đời từ bối cảnh đó, bản chất của đạo luật này cũng tương tự như đạo luật chống bán phá giá của Canada có hiệu lực thời đó. Mối quan tâm xây dựng luật phá giá lúc này của Hoa Kỳ là do cơ cấu ngành công nghiệp của nước Đức, một số doanh nghiệp ở Đức có ưu thế về khoa học công nghệ, lợi dụng ưu thế của các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh (cartel-Kartell) và được bảo hộ thuế quan, đó là những nhân tố dẫn đến nguyên nhân bán phá giá nhiều hơn.

Sau khi một loạt quốc gia đơn phương ban hành luật chống bán phá giá, đã xuất hiện một số sáng kiến đa phương phân tích và bàn về chính sách này. Năm 1922 Hội Quốc liên (League of Nations), một tổ chức mang tính tiền thân của Liên hợp quốc, đã tổ chức một nghiên cứu về bán phá giá và sự khác biệt giá. Sau đó bản ghi nhớ về chống bán phá giá do Jacob Viner soạn thảo cũng đã được ghi nhận. Tuy nhiên, không có Hiệp định về chống bán phá giá nào được ký kết.

Sau khi Liên hợp quốc được thành lập, một thỏa thuận chung đã đạt được tại GATT 1947. Trong các phiên đàm phán, Hoa Kỳ đã đưa ra những đề xuất quan

trọng, cáo buộc bán phá giá và trợ cấp hàng hóa là hành vi cạnh tranh thương mại bất bình đẳng. Điều VI của GATT đã đặt ra các nguyên tắc cơ bản về chống bán phá giá. Theo đó, thuế chống bán phá giá có thể được ấn định khi hành vi bán phá giá là nguyên nhân gây ra thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước. GATT không quy định cụ thể hình thức quản lý và cách tính toán, mà giành cho các quốc gia tham gia ký kết quy định cơ chế cho riêng mình.

Do quy định thiếu chi tiết về phương pháp và cơ chế quản lý trong điều VI dẫn đến hoạt động chống bán phá giá không thống nhất. Vì thế, đây là lĩnh vực quan trọng đầu tiên được cải cách trong lịch sử GATT [78, tr.7]. Vòng đàm phán *Kennedy* đã thông qua Hiệp định 1967 về thực thi điều VI (*the Kennedy Round Anti-Dumping Code*). Một số điểm chính là các quy định về thuế có thể chỉ bị ấn định sau khi điều tra sơ bộ cho thấy có hành vi bán phá giá và thiệt hại. Hiệp định cũng khuyến nghị áp thuế thấp hơn biên độ phá giá khi mà mức thuế thấp hơn đó loại bỏ được thiệt hại. Đồng thời xác định ngành công nghiệp là những nhà sản xuất có sản lượng gộp lại chiếm một phần lớn trong tổng sản phẩm. Trong mối quan hệ nhân quả, phá giá phải được xem như là các “*nguyên nhân chủ yếu*” gây ra thiệt hại. Hiệp định này có hiệu lực vào năm 1967. Tuy nhiên Hoa Kỳ đã không phê chuẩn Hiệp định 1967, vì vậy mức độ áp dụng của Hiệp định này vào thực tiễn là rất ít.

Vòng đàm phán Tokyo về thương mại đa phương được ký kết vào năm 1979 và có hiệu lực năm 1980, đã xác định rõ hơn về bán phá giá và thiệt hại so với điều VI của GATT 1947, quy định chi tiết về trình tự và thủ tục trong quá trình điều tra. Tuy nhiên, các quy định về chống bán phá giá ở Hiệp định vòng đàm phán Tokyo cũng mới chỉ là quy định khung, còn có nhiều điểm chưa rõ ràng, còn gây tranh cãi và thực tế là chỉ có 27 thành viên bị ràng buộc với Hiệp định này [123, *truy cập lần cuối 17/07/2012*].

Vòng đàm phán Uruguay về thương mại đa phương kết thúc vào ngày 15/4/1994, đã thông qua Hiệp định ADA (*Agreement on Implementation of Article VI of the General Agreement on Tariffs and Trade 1994*). Vì nhiều lý do, chống bán phá giá là vấn đề gây tranh cãi nhiều nhất trong giai đoạn cuối của vòng đàm phán Uruguay. Tuyên bố các Bộ trưởng được thông qua ở Punta Del Este ngày 20/9/1986 khởi động vòng đàm phán Uruguay đã không có một tham chiếu rõ ràng về chống

bán phá giá [92]. Lúc đầu, cải cách chống bán phá giá đơn giản chỉ được xem xét dưới thỏa thuận chung nhằm “*cải tiến, làm rõ hoặc mở rộng, cũng như cho phù hợp*” với Hiệp định vòng đàm phán Tokyo [92,93]. Năm 1988, một số quốc gia chỉ yêu cầu một nghiên cứu thống kê từ Ban thư ký của GATT về vấn đề áp dụng các biện pháp chống bán phá giá.

Tuy nhiên, sau đó Ủy ban thực hành về chống bán phá giá đã xem xét một loạt các văn bản pháp lý đã sửa đổi của Hoa Kỳ và EU, cơ quan giải quyết tranh chấp cũng bắt đầu xem xét đến các vấn đề chống bán phá giá ở mức độ nhiều hơn. Có lẽ khiếu nại quan trọng nhất là từ một đề xuất của Nhật Bản, quốc gia này đã đi đầu trong việc yêu cầu cơ quan giải quyết tranh chấp buộc bồi thường thiệt hại. Vấn đề thực tế là, các quốc gia đã bắt đầu xem cơ chế giải quyết tranh chấp của GATT như là một giải pháp mang tính khả thi thay thế cho việc bỏ ra các khoản “*chi phí*” lớn để bảo vệ quyền lợi của mình tại nước ngoài. Tiếp theo đó, Tổng giám đốc GATT đã trình bày văn bản đề xuất của mình như là một phần của bản thảo cuối cùng của Hiệp định và sau đó được gọi là bản thảo Dunkel [61]. Trong khi các nhà đàm phán không muốn trở lại các tranh cãi về những vấn đề rộng lớn hơn của bản thảo Dunkel vì lo ngại gây ra bất ổn cho đàm phán. Các tranh cãi về cải cách chống bán phá giá cũng đã đề cập các câu hỏi liên quan đến chủ quyền, sự tôn trọng và nguyên tắc Lotus trong luật quốc tế.

Hiệp định ADA ra đời không phải là Hiệp định riêng lẻ, nó khác với quy định về chống bán phá giá của Hiệp định vòng đàm phán Tokyo. Vì thế, tất cả các thành viên của WTO bị ràng buộc bởi Hiệp định này kể từ thời điểm Hiệp định WTO có hiệu lực với họ. Hiệp định này quy định các yêu cầu cụ thể về thủ tục khi họ trở thành chủ thể tranh chấp của WTO.

Như vậy, lịch sử pháp luật chống bán phá giá đã xuất hiện và tồn tại trên thế giới hơn 100 năm nay. Các quy định pháp luật về chống bán phá giá đã được đàm phán, cải cách và thông qua một Hiệp định chung điều chỉnh về hoạt động chống bán phá giá trong thương mại quốc tế. Theo đó, Hiệp định ADA đã quy định đến các vấn đề liên quan đến hình thức tổ chức quản lý, thời hạn điều tra, cách tính giá trị thông thường, xem xét theo thủ tục tư pháp.v.v...

Hiệp định ADA ra đời đã chấm dứt những quy định tùy ý của các quốc gia thành viên, hạn chế phần nào tình trạng lạm dụng chính sách chống bán phá giá để bảo hộ ngành sản xuất trong nước. Cũng tính từ khi Hiệp định ADA ra đời, chính sách chống bán phá giá đã được rất nhiều quốc gia thành viên áp dụng nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước.

Tuy nhiên, Hiệp định ADA được thông qua không có nghĩa là các quy định về chống bán phá giá trong thương mại quốc tế đã được hoàn thiện. Hiện nay đang có rất nhiều quan điểm nêu lên những bất cập của Hiệp định ADA, những vấn đề liên quan đến việc sửa đổi Hiệp định ADA đang được tranh luận tại vòng đàm phán Doha mà vẫn chưa đi đến hồi kết.

Đối với Việt Nam, việc tham gia WTO, thực hiện các điều ước quốc tế nói chung và Hiệp định ADA nói riêng có một vai trò rất quan trọng, là cơ sở pháp lý trong việc tăng cường và mở rộng các quan hệ thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, việc thực hiện các điều ước quốc tế đã góp phần tích cực trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về chống bán phá giá nói riêng. Văn bản pháp luật đầu tiên điều chỉnh hành vi bán phá giá hàng hóa nhập khẩu là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998 cho phép áp dụng thuế bổ sung đối với hàng nhập khẩu bị bán phá giá vào Việt nam (Điều 1), Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 4/4/2001 về việc quy định xây dựng nguyên tắc áp dụng thuế chống bán phá giá. Tuy nhiên, các quy định trong hai văn bản pháp lý này chưa có những quy định cụ thể về thẩm quyền, thủ tục điều tra và áp dụng thuế chống bán phá giá cũng như cách thức xác định hành vi bán phá giá... Năm 2004 Ủy ban thường vụ Quốc Hội đã ban hành Pháp lệnh chống bán phá giá số 20/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/04/2004. Đây là văn bản pháp luật đầu tiên điều chỉnh trực tiếp, toàn diện vấn đề chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam. Tiếp theo là các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ: Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam; Nghị định số 04/2004/NĐ-CP ngày 09/01/2006 về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá, chống

trợ cấp và tự vệ; Nghị định số 06/2006/NĐ-CP ngày 09/01/2006, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục quản lý cạnh tranh. Các văn bản khác như Quyết định số 32/QĐ-QLCT ngày 15/5/2008 của Cục quản lý cạnh tranh, ban hành mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/06/2005; Thông tư của Bộ Tài chính số 106/2005/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2005, hướng dẫn thu, nộp, hoàn trả thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp và các khoản đảm bảo thanh toán thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp.

Về hoạt động chống bán phá giá trên thế giới, mục đích ra đời của pháp luật chống bán phá giá là để bảo vệ ngành sản xuất trong nước ở quốc gia nhập khẩu, bảo vệ thị trường nước nhập khẩu được vận hành một cách lành mạnh. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy là nhiều quốc gia đã bị khiếu nại, vì sử dụng công cụ chống bán phá giá không chỉ để bảo vệ ngành sản xuất trong nước mà còn lạm dụng công cụ này để “*bảo hộ*” quá mức cho ngành sản xuất trong nước hoạt động kém hiệu quả.

Giai đoạn trước năm 1995, biện pháp chống bán phá giá chủ yếu được áp dụng ở các quốc gia phát triển (Hoa Kỳ, EU, Canada...). Tuy nhiên, kể từ khi Tổ chức thương mại thế giới WTO được thành lập cho đến nay, công cụ bán phá giá không chỉ giới hạn ở các quốc gia phát triển, mà ngày càng được sử dụng rộng rãi bởi nhiều quốc gia. Điểm mới của vấn đề là các nước đang phát triển đang dẫn đầu các quốc gia áp dụng biện pháp chống bán phá giá nhiều nhất trên thế giới. Từ năm 1995-2011 Ấn Độ khởi xướng 656 vụ kiện, hơn cả những quốc gia có kinh nghiệm và thói quen sử dụng công cụ này như Hoa Kỳ 458 vụ và EU 437 vụ [127, truy cập lần cuối ngày 20/07/2012].

Liên quan đến Việt Nam, tính đến tháng 07/2012, các ngành sản xuất của Việt Nam đã phải đối mặt với 44 vụ kiện chống bán phá giá ở nước ngoài [126, truy cập lần cuối ngày 20/07/2012], số lượng các vụ kiện ngày càng tăng, quy mô các vụ kiện ngày càng lớn. Điều đó cho thấy mức độ nghiêm trọng mà các vụ kiện này đã gây ra cho doanh nghiệp Việt Nam và ngành sản xuất trong nước ... Có nhiều lý do khác nhau, trong số các vụ việc mà phía Việt Nam bị kiện thì đáng kể hơn (về số lượng và thiệt hại) là các vụ kiện được khởi phát từ phía Hoa kỳ và EU. Điều đáng

quan tâm hơn là, chính sách và pháp luật về chống bán phá giá hàng nhập khẩu của một số quốc gia thường xuyên sử dụng biện pháp chống bán phá giá như Hoa Kỳ, EU, Canada... lại có khá nhiều nội dung, thủ tục khác biệt và phức tạp hơn so với quy định chung của WTO.

Trong khi các doanh nghiệp Việt Nam còn đang tập trung tiếm cận thị trường nước ngoài, lo đối phó với các vụ kiện chống bán phá giá ở các quốc gia nhập khẩu, thì thị trường nội địa đã bị các doanh nghiệp nước ngoài áp đảo, mà rõ nhất là hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc và một số nước lân cận như Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan.... Theo số liệu của WTO, Trung Quốc đang là nước bị điều tra chống bán phá giá nhiều nhất trên thế giới, tính từ ngày 31/12/1995 cho đến ngày 31/12/2011 Trung Quốc đã phải đương đầu với 853 vụ kiện điều tra chống bán phá giá, đứng đầu các quốc gia bị kiện trên toàn cầu. Điều này cho thấy số lượng các vụ kiện mà hàng hóa xuất khẩu từ Trung Quốc phải đương đầu là khổng lồ. Ngoài Trung Quốc, hàng hóa của nhiều quốc gia khác đang có mặt tại Việt Nam và chiếm một thị phần đáng kể đều nằm trong danh sách các quốc gia bị kiện chống bán phá giá cao trên thế giới, cụ thể: Hàn Quốc 284 vụ (đứng thứ hai sau Trung Quốc); Đài Loan 211 vụ (đứng vị trí thứ tư), Thái Lan 164 vụ (đứng vị trí thứ bảy)...[127, truy cập lần cuối ngày 20/07/2012].

Như vậy, xu hướng trên thế giới, cũng như thực tiễn vận hành của nền kinh tế Việt Nam hiện nay cho thấy nhu cầu hoàn thiện và áp dụng công cụ chống bán phá giá để bảo vệ ngành sản xuất trong nước, cũng như bảo vệ cho nền kinh tế được vận hành một cách lành mạnh là cấp thiết. Tuy nhiên, bên cạnh hệ thống pháp luật về chống bán phá giá và pháp luật về các lĩnh vực liên quan đến điều tra chống bán phá giá còn chưa hoàn thiện, thiếu tương thích; vị thế của nền kinh tế Việt Nam trên thị trường quốc tế sẽ là những nguyên nhân gây ra khó khăn cho Việt Nam khi áp dụng chính sách này vào thực tiễn, bởi các lý do sau:

Thứ nhất, với hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh chống bán phá giá được cho là khá nhiều, nhưng khi so sánh, đối chiếu với Hiệp định ADA và pháp luật về chống bán phá giá của Hoa Kỳ, EU thì pháp luật chống bán phá giá của Việt Nam còn nhiều vấn đề cần phải hoàn thiện, nhiều quy định chưa đủ chi tiết, không rõ ràng, còn chung chung; sự chưa hoàn toàn tương tích giữa pháp luật về chống

bán phá giá với pháp luật về thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu; Pháp luật về Hải quan, Pháp luật về Tổ tụng hành chính.v.v...

Thứ hai, Việt Nam là một quốc gia có nền kinh tế khá nhỏ bé, các ngành sản xuất trong nước còn lạc hậu, manh mún, rời rạc và mức độ cạnh tranh thua kém rất nhiều so với các sản phẩm tương tự của các nhà sản xuất trên thế giới. Do vậy, khi áp dụng biện pháp chống bán phá giá với sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài, có thể sẽ gây thiệt hại cho người tiêu dùng, hoặc là sự “*bảo hộ*” thái quá cho ngành sản xuất trong nước kém cỏi và lạc hậu đó sẽ dẫn đến thiệt hại cho nền kinh tế, dẫn đến sự “*trả đũa*” thương mại từ các quốc gia bị đánh thuế chống bán phá giá. Thực tiễn cho thấy, những quốc gia bị kiện chống bán phá giá nhiều nhất lại là các nền kinh tế lớn.

Mặc dù có những khó khăn nhất định, có thể trong tương lai gần Việt Nam chưa thể áp dụng thành công biện pháp phòng vệ này. Nhưng, việc nghiên cứu và hoàn thiện pháp luật về điều tra chống bán phá giá là cần thiết phải làm, nhằm phục vụ cho nhiệm vụ bảo vệ ngành sản xuất trong nước, bảo đảm cho nền kinh tế hoạt động lành mạnh và phát triển trong tương lai.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu để đạt được các mục đích sau đây:

Thứ nhất, việc nghiên cứu sẽ tìm ra những bất cập của pháp luật về điều tra chống bán phá giá của Việt Nam. Từ đó, đặt ra phương hướng hoàn thiện, nêu lên những nội dung pháp luật cần phải được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện để nhằm đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ ngành sản xuất trong nước, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và bảo đảm cho nền kinh tế được hoạt động lành mạnh. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện pháp luật về điều tra chống bán phá giá cần phải tuân thủ các nguyên tắc và quy định của WTO và Hiệp định ADA.

Thứ hai, mục đích của việc nghiên cứu là tìm hiểu các quy định pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động điều tra chống bán phá giá của Hiệp định ADA, của Việt Nam, Hoa Kỳ và EU. Từ đó, các Doanh nghiệp, ngành sản xuất trong nước của Việt Nam có thể dùng tài liệu để tham khảo khi phải đối mặt với các vụ kiện

chống bán phá giá ở nước ngoài, cũng như chủ động nộp đơn yêu cầu điều tra chống bán phá giá ở Việt Nam khi nhận thấy hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài có hành vi bán phá giá ở thị trường Việt Nam.

Thứ ba, mục đích của việc nghiên cứu nhằm chỉ ra sự cần thiết của Chính phủ, mà cụ thể là Bộ Công thương cần phải chủ động hơn nữa trong việc hỗ trợ ngành sản xuất trong nước khi có dấu hiệu về hành vi bán phá giá ở thị trường Việt Nam. Đặc biệt là, trong trường hợp cần thiết có thể chủ động tự khởi xướng điều tra, không nhất thiết cứ phải chờ vào đơn yêu cầu của ngành sản xuất trong nước.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, Nghiên cứu có hệ thống cơ sở lý luận của chính sách pháp luật chống bán phá giá của WTO, Hoa Kỳ, EU và pháp luật của Việt Nam về chống bán phá giá;

Thứ hai, Nghiên cứu và làm sáng tỏ nhu cầu điều chỉnh pháp luật đối với các quy định về điều tra chống bán phá giá của pháp luật Việt Nam;

Thứ ba, Nghiên cứu so sánh các mô hình pháp luật về tổ chức và hoạt động điều tra chống bán phá giá của Việt Nam với Hiệp định ADA, Hoa Kỳ và EU;

Thứ tư, Phân tích, đối chiếu và làm sáng tỏ thực trạng điều chỉnh pháp luật về tổ chức và hoạt động điều tra chống bán phá giá nói ở Việt Nam.

3. Phạm vi và Đối tượng nghiên cứu

3.1. Phạm vi nghiên cứu.

Luận án giới hạn ở nghiên cứu làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến chống bán phá giá và quy định pháp luật về tổ chức, hoạt động điều tra chống bán phá giá đối với **“hàng hóa nhập khẩu”**. Nội dung phân tích quy định pháp luật về một số khái niệm liên quan đến điều tra chống bán phá giá, cơ cấu tổ chức của cơ quan chống bán phá giá, trình tự, thủ tục điều tra chống bán phá giá của Hiệp định ADA, của pháp luật Việt Nam về chống bán phá giá, cũng như quy định tương ứng của pháp luật Hoa Kỳ và EU.

3.2. Đối tượng nghiên cứu.